

Bản án số 12/2024/HS-ST
Ngày 19/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 3

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Lê Văn Cường.

Các Hội thẩm quân nhân:

+ 3// Hoàng Quốc Hùng, Chính trị viên Tiểu đoàn 3, Trường Quân sự Quân khu 3 (nguyên là Giáo viên Trường Quân sự Quân khu 3);

+ 2// Nguyễn Khắc Điệp, Trợ lý, Ban Bảo vệ an ninh, Phòng Chính trị, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam.

Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Văn Hòa, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 32 tham gia phiên tòa:

+ 3// Đinh Thanh Phong, Kiểm sát viên (KSV);

+ 4/ Đinh Xuân Diệu, KSV.

Ngày 19/11/2024, tại Hội trường Trại tạm giam Quân khu 3, Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự số 18/2024/TLST-HS ngày 27/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 05/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tiến A, sinh ngày 05/4/2002 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn N, xã L1, huyện V1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị G; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 11/11/2021, bị Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 68/2021/HS-ST; tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 13/5/2024 đến ngày 19/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 20/5/2024 đến nay; có mặt.

2. Vũ Đức L, sinh ngày 18/10/2002 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn T1, xã L2, huyện V1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Trần Thị N1; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T2, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 11/5/2024 đến nay; có mặt.

3. Phạm Xuân Đ, sinh ngày 22/01/2004 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Đại đội Q, Tiểu đoàn X, Trung đoàn Y, Sư đoàn Z, Quân đoàn P; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Binh nhất, chiến sĩ, Đại đội Q, Tiểu đoàn X, Trung đoàn Y, Sư đoàn Z, Quân đoàn P; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T3 và bà Đỗ Thị L3; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/11/2019, bị Công an xã L1, huyện V1 xử phạt vi phạm hành chính “Cảnh cáo” về hành vi Tàng trữ trái phép pháo nổ theo Quyết định số 18/QĐ-XPHC. Ngày 15/12/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L1, huyện V1 xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép hàng cấm pháo nổ theo Quyết định số 85/QĐ-XPHC, các vi phạm trên đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 11/5/2024 đến nay; có mặt.

4. Bùi Tuấn A2, sinh ngày 16/10/2002 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn Trung Phú, xã L2, huyện V1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Huy V6 và bà Trần Thị B; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 11/5/2024 đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Văn V, sinh ngày 15/9/2007 tại Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn B1, xã T4, huyện B2, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5 và bà Phùng Thị N2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/11/2019, bị Công an huyện B2, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính “Cảnh cáo” về hành vi Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 165/QĐ-XPHC nhưng đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Từ ngày 05-14/3/2024, bị TAND huyện B2, Thành Phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 31/2024/HS-ST nhưng chưa đi chấp hành án phạt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 11/5/2024 đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Khắc S, sinh ngày 16/6/1999 tại Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Khu 12, thôn K, xã T4, huyện B2, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc N3 và bà Nguyễn Thị M1; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 05/10/2021, bị TAND quận C1, Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 170/2021/HSST; tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 11/5/2024 đến nay; có mặt.

7. Nguyễn Khắc M, sinh ngày 18/11/2005 tại Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn K, xã T4, huyện B2, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Khắc S1 và bà Trần Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/5/2024, “Tạm giam” từ ngày 11/5/2024 đến nay; có mặt.

- *Người đại diện của bị cáo Nguyễn Văn V*: Chị Nguyễn Hồng V7, sinh năm 2005; nơi cư trú: Khu 8, thôn B1, xã T4, huyện B2, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do (là chị gái của bị cáo); có mặt

- *Đại diện tổ chức đoàn thanh niên nơi bị cáo Nguyễn Văn V sinh hoạt*: Anh Phùng Thế V2, Bí thư Chi đoàn thôn B1, xã T4, huyện B2, Thành phố Hà Nội; vắng mặt có lý do.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V*: Bà Đinh Thị Thanh T6, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức L*:

+ Ông Hoàng Ngọc V5, Luật sư, Công ty Luật Hoàng Vinh Thiên Uy, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H3, Luật sư, Công ty Luật Hoàng Vinh Thiên Uy, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

Những người làm chứng: Anh Vũ Quang H1, chị Trần Thúy H2, ông Phạm Ngọc T: Đều có mặt; anh Hoàng Trọng L4: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/4/2024, Phạm Tiến A đi taxi ra khu vực hồ V3, phường V4, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định dùng 8.000.000 đồng mua 02 gói ma túy tổng hợp, 300 số Ketamine và 04 viên MDMA của một người đàn ông (không xác minh được lai lịch) để bán kiếm lời.

Từ ngày 20/3/2024 đến ngày 30/4/2024, Phạm Xuân Đ vắng mặt trái phép tại đơn vị. Khoảng 15 giờ ngày 30/4/2024, sau khi ăn cưới tại nhà Vũ Đức L, Đ nhắn tin qua ứng dụng messenger cho Phạm Tiến A hỏi mua 02 gói ma túy tổng hợp và 100 số ma túy Ketamine với giá 6.000.000 đồng. Đ dùng tài khoản mang tên anh Hoàng Trọng L4 (là bạn của Đ, do Đ sử dụng) chuyển tiền cho Tiến A. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh (xe Đ mượn ở đám cưới) đi đến khu vực chùa N, thôn N, xã L1, huyện V1, tỉnh Nam Định gặp Tiến A để lấy ma túy đem về phòng ngủ tại tầng 1 nhà L sử dụng. Thấy L đi vào phòng, Đ mời L cùng sử dụng ma túy và cả hai đã sử dụng hết số ma túy trên.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn cưới tại nhà L, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M, Nguyễn Văn V, Bùi Tuấn A2, Trần Thúy H2 cùng với L, Đ ra nhà nghỉ N4 (thuộc thôn T1, xã L2, huyện V1, tỉnh Nam Định) để nghỉ qua đêm. H2 ở Phòng 201, những người còn lại ở Phòng 301. Tại Phòng 301, S nhờ mọi người trong phòng gọi giúp 01 nhân viên và mua giúp 01 viên MDMA để S sử dụng. L nói với S gọi nhân viên làm gì, sau đó L rủ S, M, V, Tuấn A2 góp tiền mua ma túy

để cùng nhau sử dụng. S, V góp mỗi người 500.000 đồng, M và Tuấn A2 không mang tiền nên nhờ L ứng trước rồi sẽ trả sau (**M dự định góp từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, Tuấn A2 dự định góp 500.000 đồng**), L đồng ý và góp 2.000.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, L nhờ Đ hỏi mua giúp ma túy, Đ đồng ý rồi nhắn tin, gọi điện cho Tiến A hỏi mua 04 viên ma túy MDMA và 200 số ma túy Ketamine với giá 3.000.000 đồng. L điều khiển xe mô tô biển số (BS) 99E1-016.68 (xe mượn của anh Dương Gia B3) đi đến khu vực chùa N, thôn N, xã L1, huyện V1, tỉnh Nam Định gặp Tiến A mua ma túy, rồi đem về phòng 301 nhà nghỉ N4. Khi L để ma túy ra giường, V đưa cho L tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để đựng ma túy Ketamine. Tuấn A2 đem bật lửa, 02 điếu thuốc lá và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để xuống giường nơi Đ nằm; Đ cuốn tờ tiền 20.000 đồng thành ống hút và cố định hai đầu bằng giấy dầu lọc của 2 điếu thuốc lá để hít ma túy Ketamine. L đổ một phần ma túy Ketamine ra tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng rồi dùng bật lửa hơi nóng ma túy và bẻ 04 viên ma túy MDMA để cả nhóm sử dụng. Trong lúc sử dụng ma túy, L gọi V Quang H1 đến nhà nghỉ N4 và đưa một nửa viên ma túy MDMA cho H1 sử dụng. Khoảng 01 giờ 35 phút ngày 01/5/2024, H2 lên phòng 301 xin thuốc lá thì tổ công tác của Công an huyện V1, tỉnh Nam Định vào kiểm tra hành chính, phát hiện sự việc. Sau khi biết Đ, L bị bắt, Tiến A bỏ trốn đến ngày 13/5/2024 thì ra đầu thú.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Tiến A khai có nội dung: Ngày 30/4/2024, bị cáo đi taxi ra khu vực hồ V3 và dùng 8.000.000 đồng để mua ma túy từ một người đàn ông về để bán kiếm lời. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày tại khu vực chùa N, thôn N, xã L1, huyện V1, tỉnh Nam Định bị cáo bán cho Đ 02 gói ma túy tổng hợp và 100 số Ketamine với giá 6.000.000 đồng. Khoảng 00 giờ ngày 01/5/2024 bị cáo bán cho L 04 viên MDMA và 200 số ma túy Ketamine với giá 3.000.000 đồng.

Ngoài những nội dung nêu trên và ngoài lời khai của bị cáo Tiến A, bị cáo Phạm Xuân Đ còn khai thêm: Chiều ngày 30/4/2024, khi bị cáo đang sử dụng ma túy thì L vào phòng, bị cáo rủ L cùng sử dụng ma túy và cả hai sử dụng hết số ma túy trên. Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, khi bị cáo đang nằm ngủ ở phòng 301 nhà nghỉ N4 thì L gọi bị cáo dậy và nhờ mua giúp 200 số Ketamine và 04 viên MDMA. Bị cáo liên lạc với Tiến A để hỏi mua ma túy rồi cho L số điện thoại của Tiến A để liên lạc lấy ma túy, mục đích là để có ma túy cho mọi người sử dụng. Sau khi L mang ma túy về, Tuấn A2 bảo bị cáo cuốn ống hút để hít Ketamine, bị cáo lấy tờ tiền 20.000 đồng và 02 vỏ dầu lọc điếu thuốc lá ở trên giường rồi cuốn thành ống hút để mọi người sử dụng ma túy. Cuốn xong bị cáo tiếp tục ngủ, không tham gia sử dụng ma túy với mọi người.

Ngoài nội dung nêu trên và lời khai của các bị cáo Tiến A và Đ, bị cáo V Đức L khai tại phiên tòa có nội dung: Chiều ngày 30/4/2024, Đ rủ bị cáo sử dụng ma túy, cả hai đã sử dụng hết số ma túy của Đ; bị cáo không bàn bạc hay góp tiền mua ma túy với Đ. Đêm ngày 30/4/2024, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê mọi người

góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng; S, M, Tuấn A2, V đồng ý. Bị cáo bỏ ra 2.000.000 đồng (gồm tiền của bị cáo và tiền ứng trước cho Tuấn A2, M), sau đó bị cáo đi đến khu vực chùa N để gặp Tiến A lấy ma túy. Khi đem ma túy về phòng 301 nhà nghỉ N4, bị cáo bẻ ma túy MDMA thành nhiều phần, đổ Ketamine ra tờ tiền 5.000 đồng rồi dùng bật lửa để hơi trên tờ tiền để mọi người sử dụng. Sau đó bị cáo gọi Vũ Quang H1 đến và đưa ma túy để H1 sử dụng.

Biên bản kiểm tra hành chính và bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Công an huyện V1, tỉnh Nam Định lập hồi 01 giờ 35 phút ngày 01/5/2024, có nội dung: Tổ công tác Công an huyện V1, tỉnh Nam Định kiểm tra hành chính nhà nghỉ N4 thuộc thôn T1, xã L2, huyện V1, tỉnh Nam Định phát hiện tại phòng 301 có 08 nam, nữ thanh niên đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy dưới âm thanh nhạc sàn gồm: Phạm Xuân Đ, Vũ Đức L, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Vũ Quang H1, Trần Thúy H2. Thu giữ tại hiện trường 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng bên trên chứa chất tinh thể màu trắng; 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng lồng trong hai vỏ đầu lọc thuốc lá Thăng Long màu vàng có bám dính chất dạng tinh thể màu trắng; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 điện thoại di động Iphone 6S của Đ; 01 điện thoại Iphone 14 Pro của L.

Kết luận giám định số 844/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi nilông màu trắng, mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 gói nhỏ được gói bằng 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng bám dính trong 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cố định bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá Thăng Long màu vàng được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại ma túy: Ketamine. Tổng khối lượng: 0,731 gam.

Kết luận giám định số 845/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Có tìm thấy thành phần các chất gồm: MDMA, Ketamine, Norketamine và Dehydronorketamine trong 06 mẫu nước tiểu niêm phong ký hiệu N1, N4, N5, N6, N7 và N8 gửi giám định (của Bùi Tuấn A2, Phạm Xuân Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Vũ Đức L, Trần Thúy H2); có tìm thấy thành phần chất: MDMA trong 02 mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu N2, N3 gửi giám định (của Vũ Quang H1, Nguyễn Khắc M).

Lời khai người làm chứng Trần Thúy H2 có nội dung: Đêm ngày 30/4/2024 tôi và anh Dương Gia M2 vào phòng 201 nhà nghỉ N4. Khoảng 01 giờ ngày 01/5/2024 tôi gọi điện cho Nguyễn Khắc S để xin thuốc lá thì có người nói với tôi là lên lấy đi. Sau đó tôi lên phòng 301 thì thấy L, M, S, V, Tuấn A2, Đ, H1 ở trong phòng, tôi đến lấy 04 - 05 điếu thuốc lá ở trên giường. Ngay lúc này có Công an huyện V1, tỉnh Nam Định vào kiểm tra. Tôi không biết những người trong phòng sử dụng ma túy và không được ai rủ rê sử dụng ma túy. Ngày 29/4/2024 tôi có mua ma túy ở khu vực phường C2, quận B4, Thành phố Hà Nội của người lạ mặt rồi một mình sử dụng hết số ma túy ở nhà riêng.

Lời khai của các bị cáo Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M; người làm chứng Vũ Quang H1, Phạm Ngọc T, Hoàng Trọng L4 đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 205/CT-VKSKV32 ngày 27/9/2024 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 32 đã truy tố bị cáo Phạm Tiến A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (BLHS); truy tố các bị cáo Vũ Đức L, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS; truy tố bị cáo Phạm Xuân Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 BLHS; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Trong phần luận tội, Kiểm sát viên phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả các bị cáo gây ra; nguyên nhân phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS), nhân thân và hoàn cảnh gia đình từng bị cáo; đánh giá vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án; KSV đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Vũ Đức L, Phạm Xuân Đ, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 xử phạt Phạm Tiến A từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 2 năm 06 tháng tù của Bản án số 68/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của TAND tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Tiến A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 09 năm 6 tháng đến 10 năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 13/5/2024).

- Áp dụng các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Phạm Xuân Đ từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt:

- + Vũ Đức L từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù.
- + Bùi Tuấn A2 từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù.
- + Nguyễn Khắc M từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS xử phạt Nguyễn Văn V từ 5 năm 3 tháng tù đến 5 năm 6 tháng tù.

Áp dụng Điều 104, khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 22 tháng tù (chưa chấp hành) của Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 05-14/3/2024 của TAND huyện B2, Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 7 năm 01 tháng tù đến 7 năm 4 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Khắc S từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 170/2021/HS-ST ngày 05/10/2021 của TAND quận C1, Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 9 năm đến 9 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024), được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2021 đến ngày 06/5/2021 theo Bản án số 170/2021/HS-ST ngày 05/10/2021 của TAND quận C1, Thành phố Hà Nội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với tất cả các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng của bị cáo Phạm Tiến A, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Ghi nhận gia đình bị cáo Tiến A đã nộp 9.000.000 đồng theo **Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu lập ngày 26/9/2024** của Viện kiểm sát quân sự khu vực 32.

Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng đã thu giữ và trả lại cho anh Dương Gia B3 xe mô tô Honda AirbladeFi BS 99E1-016.68, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe có đặc điểm theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 05/7/2024; trả lại 01 điện thoại di động Iphone XS cho bị cáo S, 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus cho bị cáo V, 01 điện thoại Iphone 11 Promax cho bị cáo Tuấn A2, 01 Căn cước công dân số 036202004109 cho Phạm Tiến A có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày **27/9/2024** của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại Iphone lắp sim số 0826.967.891 của bị cáo Tiến A sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với bị cáo Đ và L; Tiến A đã làm mất, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả vì vậy đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số ma túy hoàn lại sau khi giám định là 0,673 gam Ketamine có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng của bị cáo V, 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng của bị cáo Tuấn A2; 01 điện thoại di động Iphone 6s lắp sim số 0588.977.060 của bị cáo Đ, 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro lắp sim số 082.717.4666 của bị cáo L là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định, nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc bật lửa của bị cáo Tuấn A2, 02 giấy bọc đầu lọc điều thuốc lá đặc điểm như Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định là công cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy; xét thấy những tài sản này không có giá trị sử dụng nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 08 mẫu nước tiểu hoàn lại sau giám định có đặc điểm theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định lập ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Tiến A, Đ, Tuấn A2, S, M nhất trí với nội dung lời luận tội của KSV, không có ý kiến tranh luận.

Bào chữa cho bị cáo L, luật sư Nguyễn Văn H3 nhất trí với lời luận tội của KSV về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo L, về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí và khẳng định: Bị cáo L luôn thành khẩn khai báo trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế; trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có ông bà ngoại, cụ ngoại là người có công với cách mạng, bác ruột là thương binh, được tặng và đề nghị tặng nhiều Huân, Huy chương. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L dưới mức đề nghị của KSV.

Bị cáo L nhất trí với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến gì.

Trợ giúp viên pháp lý Đinh Thị Thanh T6 nhất trí với lời luận tội của KSV về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo V, về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí và khẳng định: Bị cáo V thành khẩn khai báo; bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do không có sự chăm sóc của gia đình, từ nhỏ đã phải tự mưu sinh kiếm sống. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo và áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt để quyết định hình phạt đối với bị cáo V.

Bị cáo V nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến gì.

Đối đáp lại lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo L; KSV cho rằng: Người bào chữa cho bị cáo L đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt dưới mức KSV đề nghị là chưa phù hợp với tính chất, hành vi của bị cáo bởi lẽ trong vụ án này bị cáo L có vai trò là người khởi xướng, thực hành tích cực; mặt khác, bị cáo L không đủ điều kiện áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, vị trí vai trò, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo nên đề nghị của KSV về hình phạt đối với bị cáo L là phù hợp.

Đối đáp với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Đinh Thị Thanh T6 cho bị cáo V; KSV cho rằng: Khi đề nghị hình phạt đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, bị cáo V không đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định; Viện kiểm sát nhân dân huyện V1, tỉnh Nam Định; Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng; Viện kiểm sát quân sự khu vực 32; Điều tra viên; KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[02] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo, những người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thẩm tra, xác minh hoàn toàn khách quan, phù hợp với nhau; nội dung lời luận tội và đề nghị của KSV là có căn cứ pháp luật; nội dung lời bào chữa của luật sư Nguyễn Văn H3 đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo L là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo L không đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS; nội dung lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Đinh Thị Thanh T6 về đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo V là chưa có căn cứ bởi bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các ý kiến đề nghị của các bị cáo Tiến A, Đ, Tuấn A2, S, M là phù hợp.

Từ những chứng cứ trên, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Sáng ngày 30/4/2024, Phạm Tiến A đi taxi ra khu vực hồ V3, phường V4, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định mua 02 gói ma túy tổng hợp, 300 số Ketamin và 4 viên

MDMA của một người đàn ông (không xác minh được lai lịch) với giá 8.000.000 đồng để bán kiếm lời.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/4/2024, tại khu vực chùa N thuộc thôn N, xã L1, huyện V1, tỉnh Nam Định, Phạm Tiến A bán cho Phạm Xuân Đ 02 gói ma túy tổng hợp, 100 số Ketamine với giá 6.000.000 đồng. Sau khi có ma túy, Đ đem vào phòng ngủ tầng 1 nhà của Vũ Đức L sử dụng và tổ chức cho L sử dụng ma túy.

Khoảng hơn 22 giờ ngày 30/4/2024 đến 01 giờ 35 phút ngày 01/5/2024 tại Phòng 301, nhà nghỉ Ngọc Linh, địa chỉ: Thôn T1, xã L2, huyện V1, tỉnh Nam Định; S nhờ mọi người trong phòng gọi giúp 01 nhân viên và mua giúp 01 viên MDMA để S sử dụng nhưng không ai đồng ý. Sau khi S nói vậy L đã nảy sinh ý định rủ Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng, mọi người đồng ý. S, V góp mỗi người 500.000 đồng, M và Tuấn A2 nhờ L ứng trước rồi sẽ trả sau (M dự định góp từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, Tuấn A2 dự định góp 500.000 đồng), L đồng ý và góp 2.000.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, L nhờ Đ nhắn tin, gọi điện cho Tiến A hỏi mua 04 viên ma túy MDMA và 200 số ma túy Ketamine.

L xin Đ số điện thoại của Tiến A, rồi mượn xe mô tô của anh Dương Gia B3 đi đến khu vực chùa N, thôn N, xã L1, huyện V1, tỉnh Nam Định gặp Tiến A để mua số ma túy nêu trên với giá 3.000.000 đồng.

Sau khi mua được ma túy, L đem về phòng 301 nhà nghỉ N4 và để ra giường, V đưa cho L tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để đựng ma túy Ketamine. Tuấn A2 đem bật lửa, 02 điều thuốc lá và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để xuống giường nơi Đ nằm; Đ cuốn tờ tiền 20.000 đồng và lấy đầu lọc của 02 điều thuốc lá để cố định hai đầu thành ống hút để hít ma túy Ketamine. L đổ một phần ma túy Ketamine ra tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng rồi dùng bật lửa hơi nóng ma túy và bẻ 04 viên ma túy MDMA để cả nhóm sử dụng. Sau đó L gọi Vũ Quang H1 đến nhà nghỉ N4 và đưa một nửa viên ma túy MDMA cho H1 sử dụng. Khoảng 01 giờ 35 phút ngày 01/5/2024, H2 lên phòng 301 xin thuốc lá hút thì tổ công tác của Công an huyện V1, tỉnh Nam Định vào kiểm tra hành chính, phát hiện sự việc. Sau khi biết Đ, L bị bắt, Tiến A bỏ trốn đến ngày 13/5/2024 thì ra đầu thú.

Các bị cáo L, Đ, M, S, Tuấn A2 đều tổ chức cho V là người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy; tại thời điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy V mới 16 năm 5 tháng 16 ngày tuổi.

Hành vi của bị cáo Phạm Tiến A đã 02 lần mua bán trái phép chất ma túy nên đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; bị cáo Phạm Xuân Đ đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 255 BLHS; các bị cáo Vũ Đức L, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Nguyễn Văn V đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Đối với anh Vũ Quang H1 là người được L rủ rê sử dụng ma túy; H1 không góp tiền mua ma túy, không chuẩn bị công cụ cho việc sử dụng trái phép chất ma túy và không đưa ma túy cho ai sử dụng. Đối với chị Trần Thúy H2, không tham gia bàn

bạc thông nhất, không góp tiền mua ma túy hay giúp sức chuẩn bị công cụ cho việc sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó hành vi của H1, H2 không đồng phạm với các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện V1, tỉnh Nam Định và Công an quận B4, Thành phố Hà Nội đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với H1 và H2 là đúng quy định pháp luật.

Đối với ông Phạm Bá Linh là chủ sở hữu nhà nghỉ Ngọc Linh, không biết việc L và các bị cáo sử dụng phòng nghỉ của mình làm địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, vì vậy hành vi của ông Linh không đồng phạm với các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với anh Hoàng Trọng L4, được Đ nhờ đứng tên mở tài khoản ngân hàng để Đ sử dụng. L4 không biết việc Đ sử dụng tài khoản đó vào việc mua ma túy để tổ chức sử dụng ma túy cho L, nên không đồng phạm với Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với anh Dương Gia B3 cho L mượn xe mô tô BS 99E1-016.68 nhưng B3 không biết L sử dụng để đi mua ma túy nên không đủ căn cứ xử lý B3 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” hoặc “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với người đàn ông ở khu vực gần hồ V3 thuộc phường V4, thành phố Nam Định đã bán ma túy cho bị cáo Tiến A. Do không xác định được là ai nên không có căn cứ để xử lý.

[03] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Phạm Tiến A bị TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 68/2021/HS-ST ngày 11/11/2021; bị cáo Nguyễn Khắc S bị TAND quận C1, Thành Phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 170/2021/HSST ngày 05/10/2021, khi Tiến A và S đang chấp hành án lại tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý nên Tiến A và S đều phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với Nguyễn Văn V, ngày 14/3/2024 bị TAND huyện B2, Thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS. Thời điểm phạm tội trên (ngày 02/10/2022), V chưa đủ 16 tuổi nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 107 BLHS thì không tính án tích đối với V. Nên lần phạm tội này, V không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Tái phạm”.

Các bị cáo Vũ Đức L, Phạm Xuân Đ, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V và Nguyễn Khắc M không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Tiến A sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú, bị cáo nhờ gia đình nộp số tiền 9.000.000 đồng phạm tội mà có nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo L có ông, bà ngoại, cụ ngoại là người có công với cách mạng, bác ruột là thương binh được tặng nhiều Huân, Huy chương; bị cáo S có ông ngoại là người có công với cách mạng.

Các bị cáo L, Tuấn A2, M có nhân thân tốt; các bị cáo Tiến A, Đ, V, S có nhân thân không tốt. Hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn. Bị cáo V là người chưa thành niên nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế.

[04] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo Tiến A đã 02 lần bán 02 gói ma túy tổng hợp, 04 viên ma túy MDMA và 300 số ma túy Ketamine cho Đ, L nhưng Tiến A không biết Đ, L mua ma túy để tổ chức sử dụng nên chịu trách nhiệm độc lập về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Đây là vụ án đồng phạm giảm đơn, trong đó bị cáo Vũ Đức L là người khởi xướng và thực hành tích cực nhất, đã bàn bạc, thống nhất với các bị cáo khác về việc góp tiền, tự mình ứng trước và cùng góp 2.000.000 đồng để mua ma túy, trực tiếp đi mua ma túy, bẻ ma túy MDMA, dùng bật lửa xào Ketamine để cùng các bị cáo khác sử dụng ma túy; đã rủ và đưa ma túy MDMA cho Vũ Quang H1 sử dụng nên bị cáo L phải chịu TNHS cao nhất.

Bị cáo Phạm Xuân Đ 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Lần thứ nhất vào chiều ngày 30/4/2024, sau khi mua được ma túy, Đ tự chuẩn bị công cụ, phương tiện để bản thân sử dụng và đưa ma túy cho L cùng sử dụng. Lần thứ hai vào đêm ngày 30/4/2024 và rạng sáng ngày 01/5/2024, Đ đặt mua ma túy giúp L, cuộn tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng thành ống hút để cho các bị cáo khác hít Ketamine mục đích để có ma túy và giúp sức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy; đã tổ chức cho người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo Đ phải chịu TNHS sau L.

Các bị cáo Bùi Tuấn A2 và Nguyễn Văn V có vai trò là người thực hành, giúp sức cho bị cáo L trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; trong đó: Bị cáo Tuấn A2 tham gia bàn bạc, thống nhất, dự định góp từ 500.000 đồng mua ma túy; đưa bật lửa gas, tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 02 điều thuốc lá Thăng Long để làm công cụ tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo V tham gia bàn bạc, thống nhất; góp 500.000 đồng để mua ma túy; đưa tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để L đựng ma túy nên các bị cáo Tuấn A2, V phải chịu TNHS ngang nhau và sau bị cáo Đ;

Các bị cáo Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M là người thực hành, trong đó: Bị cáo S, M tham gia bàn bạc, thống nhất; bị cáo S góp 500.000 đồng mua ma túy, **bị cáo M dự định góp từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng** mua ma túy để cùng các bị cáo khác sử dụng ma túy nên các bị cáo S, M phải chịu TNHS ngang nhau và sau các bị cáo Tuấn A2, V.

[05] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm hoạt động quản lý độc quyền các chất cấm của Nhà nước; làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn và tiềm ẩn nguy cơ kéo theo nhiều tệ nạn xã hội; ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người. Các bị cáo ngoài việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau, còn tổ chức cho bị cáo Nguyễn Văn V là người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy nên làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của người chưa thành niên. Hành vi đào ngũ của Phạm Xuân

Đ còn làm ảnh hưởng đến kỷ luật, sức mạnh chiến đấu của quân đội. Các bị cáo đều có nhận thức, hiểu biết về tác hại của việc sử dụng ma túy nhưng vẫn tổ chức sử dụng; vì vậy các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và hậu quả mà mình đã gây ra. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, vị trí vai trò đồng phạm, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo; HĐXX thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V mới 16 năm 5 tháng 16 ngày tuổi. Do vậy, căn cứ vào các khoản 1, 3, 6 Điều 91 của BLHS về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và khoản 1 Điều 101 của BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo V.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[06] Bị cáo Tiến A đang chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm theo Bản án số 68/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của TAND tỉnh Thái Bình. Trong thời gian thử thách của án treo lại phạm tội mới nên căn cứ vào khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án số 68/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của TAND tỉnh Thái Bình để buộc bị cáo Tiến A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Bị cáo S đang chấp hành hình phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng theo Bản án số 170/2021/HS-ST ngày 05/10/2021 của TAND quận C1, Thành phố Hà Nội. Trong thời gian thử thách của án treo lại phạm tội mới nên căn cứ vào khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 170/2021/HS-ST ngày 05/10/2021 của TAND quận C1, thành phố Hà Nội để buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo thì trường hợp trong thời gian thử thách nếu người phạm tội mới hoặc vi phạm nghĩa vụ buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì khi giải quyết Tòa án trừ thời gian họ đã bị tạm giữ, tạm giam này vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo hoặc bản án mới, do vậy bị cáo S được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2021 đến ngày 06/5/2021 vào thời hạn chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo V trong thời gian chờ đi chấp hành hình phạt 22 tháng tù của Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 05-14/3/2024 của TAND huyện B2, Thành phố Hà Nội nhưng lại phạm tội mới nên căn cứ vào Điều 104, khoản 2 Điều 56 của BLHS, tổng hợp hình phạt của bản án này với phần hình phạt 22 tháng tù của Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 05-14/3/2024 của TAND huyện B2, Thành phố Hà Nội buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[07] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền bị cáo M, Tuấn A2 nhờ bị cáo L ứng giúp để mua ma túy và bị cáo L đã ứng mua ma túy để các bị cáo cùng sử dụng không đặt ra xem xét, giải quyết do đã thu giữ trong tổng số tiền 9.000.000 đồng của Tiên A.

Bị cáo Tiên A đã 02 lần mua bán trái phép chất ma túy thu được 9.000.000 đồng; đây là tiền do bị cáo Tiên A phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Ghi nhận gia đình bị cáo Tiên A đã nộp 9.000.000 đồng theo **Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu lập ngày 26/9/2024** của Viện kiểm sát quân sự khu vực 32.

[08] Về xử lý vật chứng:

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng đã thu giữ và trả lại cho anh Dương Gia B3 xe mô tô Honda AirbladeFi BS 99E1-016.68, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; trả lại 01 điện thoại di động Iphone XS cho bị cáo S, 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus cho bị cáo V, 01 điện thoại Iphone 11 Promax cho bị cáo Tuấn A2, 01 Căn cước công dân số 036202004109 cho Phạm Tiên A theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 27/9/2024 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại Iphone lắp sim số 0826.967.891 của bị cáo Tiên A sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với các bị cáo Đ và L; Tiên A đã làm mất, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số ma túy hoàn lại sau khi giám định là 0,673 gam Ketamine có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng của bị cáo V, 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng của bị cáo Tuấn A2; 01 điện thoại di động Iphone 6s lắp sim số 0588.977.060 của bị cáo Đ, 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro lắp sim số 082.717.4666 của bị cáo L là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định, nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc bật lửa của bị cáo Tuấn A2, 02 giấy bọc đầu lọc thuốc lá đặc điểm như Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định là công cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy; xét thấy những tài sản này không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 08 mẫu nước tiểu hoàn lại sau giám định có đặc điểm theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định lập ngày 03/5/2024

của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

[09] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Tiến A, Đ, L, Tuấn A2, S, V, M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 của BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Vũ Đức L, Phạm Xuân Đ, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M, phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 xử phạt Phạm Tiến A 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án số 68/2021/HS-ST ngày 11/11/2021 của TAND tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Phạm Tiến A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 13/5/2024).

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Vũ Đức L 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Phạm Xuân Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Bùi Tuấn A2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 3, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS xử phạt Nguyễn Văn V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 104, khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 05 năm 03 tháng tù của bản án này với hình phạt 22 tháng (01 năm 10 tháng) tù của Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 05-14/3/2024 của TAND huyện B2, Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 01

(một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Khắc S 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt 07 năm 03 tháng tù của bản án này với hình phạt 24 tháng tù (02 năm tù) của Bản án số 170/2021/HS-ST ngày 05/10/2021 của TAND quận C1, Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024), được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2021 đến ngày 06/5/2021.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Khắc M 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/5/2024).

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng do bị cáo Phạm Tiến A phạm tội mà có. Ghi nhận gia đình bị cáo Tiến A đã nộp 9.000.000 đồng theo **Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu** lập ngày 26/9/2024 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 32.

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 0,673 gam Ketamine hoàn lại sau giám định có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6s, 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định và Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bật lửa, 02 giấy bọc đầu lọc thuốc lá có đặc điểm theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V1, tỉnh Nam Định.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 08 mẫu nước tiểu hoàn lại sau giám định có đặc điểm theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định lập ngày 03/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định.

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, các bị cáo Phạm Tiến A, Vũ Đức L, Phạm Xuân Đ, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (**ngày 19/11/2024**) các bị cáo Phạm Tiến A, Vũ Đức L, Phạm Xuân Đ, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Khắc M, người đại diện và người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo Bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 3. /.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (7);
- Người đại diện của bị cáo V (1);
- Những người bào chữa (3);
- VKSQSKV32;
- VKSQSQK3;
- Trại tạm giam QK3 (7);
- CQ THAHSQK3 (7);
- ĐTHSKV1 CTCSN, BQP ;
- Phòng THAQK3;
- TAQSTW (2);
- Lưu HSVA;
- Lưu THS.

**TM. HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đại úy Lê Văn Cường